

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHU
TRƯỜNG TỈNH NGƯỜN TỈNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO
ĐIỂM THẠ THIÊN HUẾ**

HỌ TÊN PHẠM NGUYỄN O

Khóa học: 2015 – 2019

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

KHOA KẾ TOÁN – KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHU
TRƯỜNG TÀI NGUYÊN TÀI CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO U
ĐIỂM N THẠ THIÊN HUẾ

Sinh viên thực hiện:

Hồ Thị Phụng Thảo

Lớp: K49A Kế toán

Niên khóa: 2015 – 2019

Giáo viên hướng dẫn:

Thạc sĩ Nguyễn Quốc Tú

Huế, tháng 01 năm 2019

LỜI CẢM ƠN

Được sự phân công của quý thầy cô khoa Kế toán – Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế và sự giúp đỡ tận tình của Công ty Bảo hiểm Bảo điển Thiên Huế, sau gần 3 tháng tham gia thực tập, tôi đã hoàn thành khóa luận với đề tài **“Thực trạng công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực thị trấn tại Công ty Bảo hiểm Bảo điển Thiên Huế”**.

Khóa luận có được kết quả như hôm nay, ngoài sự nỗ lực của bản thân tôi, còn có sự đóng góp, giúp đỡ rất lớn từ phía nhà trường, giáo viên hướng dẫn và đến với thực tập.

Trước tiên, tôi xin chân thành cảm ơn nhà trường, đặc biệt là quý thầy cô giáo khoa Kế toán – Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế đã tuyển chọn và giao nhiệm vụ và khả năng cần thiết tạo ra nền tảng lý thuyết vững chắc giúp tôi hoàn thành khóa luận.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy Nguyễn Quốc Tú, giáo viên hướng dẫn của tôi trong đợt thực tập cuối khóa này. Nhờ sự định hướng và những ý kiến quý báu của thầy trong suốt thời gian thực tập đã giúp tôi hoàn thiện khóa luận với một nội dung logic hình thức.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ nhiệt tình từ phía Công ty Bảo hiểm Bảo điển Thiên Huế, đặc biệt là phòng Kế toán – Tổng hợp. Với sự góp ý, hướng dẫn tận tình cùng những thông tin quý giá mà các anh chị cung cấp đã tạo điều kiện để nghiên cứu của tôi trở nên hiệu quả và chính xác hơn.

Dù đã cố gắng trong suốt quá trình thực hiện nhưng với kiến thức, khả năng còn hạn chế, khóa luận không tránh khỏi những sai sót và hạn chế. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý thầy cô, các bạn để hoàn thiện hơn nữa khóa luận.

Xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 01 năm 2019

Sinh viên thực hiện

Hồ Thị Phương Thảo

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	I
DANH MỤC SƠ ĐỒ	ii
DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC BIỂU, MẪU	iv
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Nội dung kết cấu đề tài.....	3
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHU TRÚ TÀI NGUYÊN	4
1.1. Cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng	4
1.2. Cơ sở lý luận về thuế thu nhập cá nhân khu trú tài nguyên.....	17
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHU TRÚ TÀI NGUYÊN TẠI CÔNG TY BẢO HIỂM BƯỞI ĐÌNH THẠ THIÊN HUỖ	23
2.1. Tổng quan về Công ty Bảo hiểm Bưởi Đình Thạ Thiên Huỗ	23
2.2. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán của Công ty	38

2.3. Thực trạng công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tiểu ngư dân tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành Thiên Huế ...42

CHƯƠNG III: MÔ TẢ GIỚI THIỆU PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU THU NHẬP CÁ NHÂN KHU VỰC TIỂU NGƯ DÂN TẠI CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO DÂN THÀNH THIÊN HUẾ ..80

3.1. Đánh giá tình hình thực hiện công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tiểu ngư dân tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành Thiên Huế80

3.2. Mô tả giới thiệu pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tiểu ngư dân tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành Thiên Huế82

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ83

1. Kết luận83

2. Kiến nghị84

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO VI

PHỤ LỤC VII

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BĐSDT	Bộ tổng sản xuất
BHG	Bộ hình học
BHXH	Bộ hình xã hội
BHYT	Bộ hình y tế
BHTN	Bộ hình thuật ngữ
CCDC	Công cụ dùng cơ
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
GTGT	Giá trị gia tăng
HHDV	Hàng hóa, dịch vụ
HTK	Hàng tồn kho
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSDH	Tài sản dài hạn
TT-BTC	Thông tin Bộ Tài chính
TNCN	Thu nhập cá nhân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC SỔ ĐỀ

Sổ đề	Tên	Trang
Sổ đề 1.1.	Phương pháp hạch toán thu giá trị gia tăng đầu vào.	13
Sổ đề 1.2.	Phương pháp hạch toán thu giá trị gia tăng đầu ra.	15
Sổ đề 1.3.	Phương pháp hạch toán thu nhập cá nhân.	21
Sổ đề 2.1.	Tính các bộ máy quản lý Công ty Bảo hiểm Bảo đầu Thị Thiên Huế.	26
Sổ đề 2.2.	Tính các bộ máy kế toán của Công ty Bảo hiểm Bảo đầu Thị Thiên Huế.	38

DANH MỤC BẢNG

Bảng	Tên	Trang
Bảng 1.1.	Biểu thu lũy tiến tiền công phần.	20
Bảng 2.1.	Bảng thể hiện tình hình lao động của Công ty Bảo hiểm Bảo hiểm Thiên Huê giai đoạn 2015 – 2017.	28
Bảng 2.2.	Bảng thể hiện tình hình tài sản của Công ty Bảo hiểm Bảo hiểm Thiên Huê giai đoạn 2015 – 2017.	30
Bảng 2.3.	Bảng thể hiện tình hình nguồn vốn của Công ty Bảo hiểm Bảo hiểm Thiên Huê giai đoạn 2015 – 2017.	31
Bảng 2.4.	Bảng thể hiện tình hình chi phí của Công ty Bảo hiểm Bảo hiểm Thiên Huê giai đoạn 2015 – 2017.	34
Bảng 2.5.	Bảng thể hiện tình hình doanh thu của Công ty Bảo hiểm Bảo hiểm Thiên Huê giai đoạn 2015 – 2017.	36

DANH MỤC BÍ U, M U

Bí u, m u	Tên	Trang
Bí u 2.1.	Phi u chi nghi p v 01.	43
Bí u 2.2.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 01.	44
Bí u 2.3.	Phi u chi nghi p v 02.	46
Bí u 2.4.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 02.	47
Bí u 2.5.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 02.	48
Bí u 2.6.	Trích s cái tài kho n 13311 – Thu giá tr gia tăng c a hàng hóa, dịch v mua vào đ c khu tr toàn b .	50
Bí u 2.7.	Trích s cái tài kho n 13312 – Thu giá tr gia tăng c a hàng hóa, dịch v mua vào dùng chung ph i phân b .	51
Bí u 2.8.	Phi u thu nghi p v 03.	56
Bí u 2.9.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 03.	57
Bí u 2.10.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 03.	58
Bí u 2.11.	Phi u thu nghi p v 04.	61
Bí u 2.12.	Hóa đ n giá tr gia tăng nghi p v 04.	62
Bí u 2.13.	Trích s cái tài kho n 33311 – Thu giá tr gia tăng đ u ra c a ho t đ ng b o hi m.	64
Bí u 2.14.	B ng kê hóa đ n, ch ng t hàng hóa, dịch v mua vào.	67
Bí u 2.15.	B ng kê hóa đ n, ch ng t hàng hóa, dịch v bán ra.	68
Bí u 2.16.	Báo cáo tình hình s đ ng hóa đ n quý 4 năm 2017.	69
Bí u 2.17.	T khai thu giá tr gia tăng quý 4 năm 2017.	70
Bí u 2.18.	T khai quy t toán thu thu nh p cá nhân.	73

Biểu 2.19	Bảng kê chi tiết cá nhân thu nhập tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần	75
Mẫu 2.1.	Mẫu chứng từ thu giá trị gia tăng của nghiệp vụ 1 trên phần mềm.	45
Mẫu 2.2.	Mẫu chứng từ thu giá trị gia tăng của nghiệp vụ 2 trên phần mềm.	49
Mẫu 2.3.	Mẫu chứng từ thu giá trị gia tăng của nghiệp vụ 3 trên phần mềm.	59
Mẫu 2.4.	Mẫu chứng từ thu giá trị gia tăng của nghiệp vụ 3 trên phần mềm.	60
Mẫu 2.5.	Mẫu chứng từ thu giá trị gia tăng của nghiệp vụ 4 trên phần mềm.	63

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự hình thành và phát triển của Nhà nước, thuế được xem là công cụ tài chính vô cùng hữu hiệu giúp Nhà nước thực thi chức năng và nhiệm vụ của mình. Với tỷ lệ chiếm từ 80 đến 85% trong tổng nguồn thu ngân sách Nhà nước tại Việt Nam, thuế không chỉ thực hiện tốt vai trò là công cụ huy động nguồn tài chính quan trọng đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, mà còn góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh; khuyến khích đầu tư; tái phân phối thu nhập để đảm bảo công bằng xã hội. Do nền kinh tế Việt Nam có tính chu kỳ nên tác động đến người hay đến chủ của thuế với hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ có ý nghĩa trong từng giai đoạn phát triển. Vì vậy, để phù hợp với sự phát triển kinh tế trong từng thời kỳ, Nhà nước cần linh động trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định, các văn bản hướng dẫn về thuế. Hệ thống thuế tốt là hệ thống thuế phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế.

Việt Nam, từ kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khóa IX ngày 10/05/1997 đã thông qua Luật thuế Giá trị gia tăng và chính thức áp dụng từ ngày 01/01/1999. Việc thuế giá trị gia tăng thay thế cho thuế doanh thu là điều tất yếu, hoàn toàn phù hợp với sự chuyển đổi nền kinh tế. Luật thuế Thu nhập cá nhân được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21/11/2007, chính thức áp dụng vào ngày 01/01/2009, đánh dấu một bước hoàn thiện trong hệ thống thuế Việt Nam. Qua gần 20 năm áp dụng đối với Luật thuế Giá trị gia tăng và 10 năm đối với Luật thuế Thu nhập cá nhân đã tác động rất lớn đến nền kinh tế đất nước trên nhiều phương diện. Với nỗ lực xây dựng và hoàn thiện một hệ thống thuế tốt, Nhà nước không ngừng sửa đổi, bổ sung hai sắc thuế này.

Doanh nghiệp là bộ phận chính yếu của nền kinh tế nên việc nó chịu ảnh hưởng của chính sách thuế là điều hiển nhiên. Do đó, để đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với ngân sách Nhà nước, cũng như đảm bảo quy định lợi cho chính bản thân doanh nghiệp, đòi hỏi phải thực hiện công tác kế toán thuế. Điều này giúp doanh nghiệp xác định được số thuế phải nộp, hoàn lợi hay miễn giảm.

Nhìn thấy rõ vai trò quan trọng của kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với doanh nghiệp, kết hợp với việc tham gia thực tế tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành phố Hồ Chí Minh, để có sự giúp đỡ tận tình của các cán bộ tại phòng Kế toán – Tổng hợp của quý Công ty, tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài: **“Thức thực công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành phố Hồ Chí Minh”** làm đề tài tốt nghiệp cuối khóa.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- ❖ Tổng hợp và hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng trong doanh nghiệp.
- ❖ Tìm hiểu thức thực công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng tại Công ty.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính là công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng tại Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Phạm vi nghiên cứu

- ❖ Nội dung nghiên cứu: Kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng.
- ❖ Không gian nghiên cứu: Công ty Bảo hiểm Bảo dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Thời gian nghiên cứu: Thời gian thức thực hiện đề tài từ năm 2015 đến năm 2017.
- ❖ Số liệu dùng để phân tích: Nguồn số liệu thu thập để làm căn cứ đề tài trong giai đoạn năm 2015, 2016, 2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

- ❖ Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Thức thực thu thập thông tin liên quan đến đề tài: Giáo trình, Luật thuế, Thông tư, Chuẩn mực kế toán... để hệ thống hóa cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân khu vực tại ngân hàng.

- ❖ Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng và kế toán viên để nắm được phần hành kế toán thu trong Công ty để được cung cấp thông tin, dữ liệu, số liệu thô cho đề tài.
 - ❖ Phương pháp quan sát: Quan sát công việc của kế toán viên thực hiện công tác kế toán thu trong Công ty để thấy được công việc cụ thể và quy trình luân chuyển chứng từ thu.
 - ❖ Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Thu thập thông tin chung về tình hình hoạt động của Công ty; Thu thập thông tin đã được kiểm duyệt trong Báo cáo của Công ty.
 - ❖ Phương pháp phân tích số liệu: Dựa trên những dữ liệu thu thập được, dùng các phương pháp như so sánh, thống kê, phân tích... để làm rõ nội dung cần nghiên cứu, từ đó đưa ra những nhận xét cũng như đề xuất các giải pháp giúp cải thiện công tác kế toán thu tại đơn vị.
- Phương pháp so sánh: bao gồm cả phương pháp so sánh từng đối tượng và so sánh tổng thể, dùng để phân tích tình hình biến động của quy mô tài sản, nguồn vốn, tình hình kết quả kinh doanh qua 3 năm 2015, 2016, 2017.
 - Phương pháp thống kê và phân tích: tổng hợp các dữ liệu cùng nội dung liên quan để phân tích, từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá ưu điểm, nhược điểm nhằm tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.
 - Phương pháp xử lý số liệu: xử lý trên chương trình Excel.
6. Nội dung kết cấu đề tài

Phần I: Đặt vấn đề

Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tài nguyên

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tài nguyên tại Công ty Bảo hiểm Bảo vệ Thiên Hu

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thu nhập cá nhân khu vực tài nguyên tại Công ty Bảo hiểm Bảo vệ Thiên Hu

Phần III: Kết luận và kiến nghị

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHU VỰC TỈNH NGƯỜI N

1.1. Cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thuế giá trị gia tăng

Năm 1954, thuế giá trị gia tăng được áp dụng thí điểm tại nước Pháp, sau đó được phổ biến tại nhiều quốc gia ... Qua hơn 50 năm, tính đến nay đã có gần 170 nước áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Tiền thân của thuế giá trị gia tăng là thuế doanh thu.

Tại Việt Nam, trong giai đoạn nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, Đảng và Nhà nước luôn không ngừng đổi mới chính sách về kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Điều tất yếu là thuế doanh thu không còn phù hợp, cần được thay thế một loại thuế mới hiện đại hơn – thuế giá trị gia tăng. Ngày 05/07/1993, theo Quyết định 486TC/QĐ/BTC của Bộ Tài chính, thuế giá trị gia tăng được thực hiện thí điểm một số doanh nghiệp quốc doanh thuộc các ngành có quá trình chuyển từ sản xuất đến tiêu dùng thông qua phân phối qua nhiều công đoạn như công ty dệt Hà Đông, công ty dệt kim Đông Xuân, nhà máy dệt Đông Á,...

Ngày 10/05/1997, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 11, Luật thuế GTGT trên cơ sở cải cách mạng tính kế thừa Luật thuế doanh thu đã được thông qua. Ngày 01/01/1999, Luật thuế giá trị gia tăng chính thức được áp dụng trên toàn quốc. Tính đến nay, Luật thuế này đã trải qua nhiều lần sửa đổi và bổ sung qua các năm 2000, 2003, 2005, 2008...

1.1.2. Khái niệm

Thuế giá trị gia tăng là loại thuế gián thu được thu trên cơ sở giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.3. Đặc điểm

- ✓ Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế tiêu dùng.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng đánh vào phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ tất cả các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng có tính trung lập cao, không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của người nộp thuế bởi vì thuế giá trị gia tăng không phải là yếu tố của chi phí sản xuất mà chỉ đơn thuần là khoản thu cộng thêm vào giá bán.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng chỉ đánh vào hoạt động tiêu dùng trong phạm vi lãnh thổ, không quan tâm nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mà chỉ quan tâm hàng hóa, dịch vụ đó phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh ở đâu.

1.1.4. Vai trò

- ✓ Thuế giá trị gia tăng đóng viên một phần thu nhập của người dân vào ngân sách, tạo nên khoản thu quan trọng, ổn định cho ngân sách Nhà nước.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng tránh gây ra hiện tượng trùng lặp thuế, giúp cho giá cả của hàng hóa, dịch vụ được xác định hợp lý và chính xác nhất. Từ đó, thuế giá trị gia tăng góp phần ổn định giá cả, khuyến khích, thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa trên thị trường.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng còn góp phần khuyến khích xuất khẩu khi áp dụng mức thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và được khấu trừ toàn bộ số thuế giá trị gia tăng đưa vào của nguyên liệu sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ đó.
- ✓ Thuế giá trị gia tăng góp thúc đẩy thực hiện chế độ hạch toán kế toán, sổ đăng hóa đơn, chứng từ và thanh toán qua ngân hàng.

1.1.5. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng

1.1.5.1. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT.

Theo điạu 3 Thông tậ 09/2011/TT-BTC, điạ tậ ng chậu thuậ GTGT điạ vậ lĩnh vậ c
kinh doanh bậo hiậ m bậo gậ m:

- Bỏ hình phi nhân thọ, dịch vụ từ thiện và môi giới bỏ hình phi nhân thọ.
- Điều lý giám định, điều lý xét bài thi công, điều lý yêu cầu người thi ba bài hoàn.
- Hàng hóa, dịch vụ khác thuộc diện chịu thuế GTGT theo quy định của pháp luật và thuế GTGT phát sinh trong quá trình hoạt động của các công ty có hoạt động thu nhập từ lĩnh vực bỏ hình.

1.1.5.2. Đòi hỏi không chịu thu

Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 và Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định rõ 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng tại Điều 5 của Luật và Điều 4 của Thông tư.

Những đối tượng này có thể phân chia theo tính chất như sau:

- ❖ Nhóm hàng hóa dịch vụ thuộc ngành nghề khuyến khích phát triển: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chế biến thành phẩm qua sơ chế thông thường; Tôm i, tiêu non, nèo vớt kênh, măng non luộc... phục vụ sản xuất nông nghiệp; Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối i-ốt... mã thành phẩm chính là Na-tri-clo-rua (NaCl); Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Dịch vụ, dịch vụ; Chuyển giao công nghệ; Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ...
- ❖ Nhóm hàng hóa, dịch vụ mang tính chất thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống công dân, không mang tính chất kinh doanh: Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y; Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập; Dịch vụ duy trì và bảo vệ thú, vườn hoa, công viên, dịch vụ tang lễ; Phát sóng truyền thanh, truyền hình; Xuất bản, in ấn, phát hành báo, tạp chí, sách chính trị, sách giáo khoa,...; Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện theo các tuyến nội thành, đô thị và các tuyến liên tỉnh...

Trong đó theo điều 4 Thông tư 09/2011/TT-BTC, đối tượng không chịu thuế GTGT đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm:

- Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn con người trong gói bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm người khác; bảo hiểm tai nạn thủy thổ, thủy văn viên; bảo hiểm tai nạn con người (bao gồm cả bảo hiểm tai nạn, sinh mạng, kết hợp nhân vi phạm); bảo hiểm tai nạn hành khách; bảo hiểm khách du lịch; bảo hiểm tai nạn lái – phụ xe và người ngồi trên xe; bảo hiểm người đình sản; bảo hiểm trách nhiệm vi phạm pháp luật; bảo hiểm sinh mạng cá nhân; bảo hiểm người sở hữu động sản; bảo hiểm bồi thường người lao động, bảo hiểm sức khỏe và các bảo hiểm khác liên quan đến con người, chăm sóc sức khỏe con người.
- Bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác.
- Tái bảo hiểm.
- Đào tạo đối lý bảo hiểm.
- Bảo hiểm các công trình, thiết bị dầu khí, tàu chèo dầu mang quốc tịch nước ngoài do nhà thầu dầu khí hoặc nhà thầu phụ nước ngoài thuê để hoạt động tại vùng biển được quy định kinh tế của Việt Nam, vùng biển chủ quyền mà Việt Nam và các quốc gia có biển tiếp giáp liên hay đối diện đã thỏa thuận đặt dấu hiệu khai thác chung.
 - ❖ Nhóm hàng hóa, dịch vụ khó xác định giá trị tăng thêm: Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán; Chuyển quyền sở hữu động sản.
 - ❖ Nhóm hàng hóa mang tính chất phức tạp như cầu của Nhà nước hoặc công bố mọt: Vũ khí, khí tài chuyên dùng phức tạp quốc phòng, an ninh
 - ❖ Nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc các hoạt động đặc biệt ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo: Hàng nhập khẩu và hàng hóa, dịch vụ bán cho các tổ chức, cá nhân để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; Hàng hóa nhập khẩu của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng miễn thuế ngoại giao theo quy định; Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể người bệnh, nặng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật.
 - ❖ Nhóm hàng hóa nhập khẩu nhưng không phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam: Hàng hóa chuyên dụng, quá trình qua lãnh thổ

Việt Nam; Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; Hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; Hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

- ❖ Nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế khác: Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống; Hàng hóa bán miễn thuế ở các cửa hàng bán hàng miễn thuế; Hàng đồ trang sức gia do cửa quan đồ trang sức gia bán ra...

1.1.5.3. Ngõ vào nhập thuế

Ngõ vào nhập thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

1.1.5.4. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất thuế giá trị gia tăng.

a. Giá tính thuế

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do cửa sổ sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa và chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, và chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có).

Theo quy định tại điều 06 Thông tư 09/2011/TT-BTC, đối với dịch vụ bảo hiểm, giá tính thuế GTGT là phí bảo hiểm gốc chưa có thuế GTGT, cộng các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá dịch vụ mà doanh nghiệp được hưởng, trừ các khoản phụ thu và khoản trích lập bắt buộc phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Trường hợp phí bảo hiểm đã bao gồm thuế GTGT thì giá tính thuế GTGT được xác định như sau:

$$\frac{\text{Giá tính thuế GTGT}}{\text{GTGT}} = \frac{\text{Phí bảo hiểm đã bao gồm thuế GTGT}}{1 + \text{Thu suất (10\%)}}$$

- Các hợp đồng bảo hiểm, đơn bảo hiểm, giấy chứng nhận nhận bảo hiểm có thể nhận thu phí từng kỳ thì giá tính thuế GTGT là số tiền phí bảo hiểm trả từng kỳ.

- Đối với hợp đồng bảo hiểm: Giá tính thuế là phí bảo hiểm gốc chưa có thuế GTGT phân bổ theo tỷ lệ bảo hiểm cho từng doanh nghiệp.

- Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi nợ bồi thường hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hàng tổn công hoặc tổn hao hàng thì giá tính thuế GTGT là tổn công hoặc tổn hao hàng được hưởng (chưa trừ mất khoản phí tổn nào) mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được, chưa có thuế GTGT.

- Đối với dịch vụ môi giới bảo hiểm là số tiền phí hoa hồng môi giới bảo hiểm nhận được chưa có thuế GTGT trừ đi khoản giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm (nếu có).

- Một số trường hợp khác...

b. Thuế suất:

- Thuế suất 0%:

- Theo quy định tại điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC, mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; Hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ngoài và trong khu phi thuế quan; Vận tải quốc tế; Hàng hóa, dịch vụ thu được không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu.

- Theo quy định tại điều 7 Thông tư 09/2011/TT-BTC, thuế suất 0% áp dụng đối với dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và cung cấp cho tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi bảo hiểm, dịch vụ môi giới bảo hiểm, dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý yêu cầu bồi thường hoàn, xử lý hàng bồi thường 100%.

- Thuế suất 5%:

Theo quy định tại điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC, mức thuế suất 5% áp dụng cho 16 nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: nông sản; dịch vụ giồng dúi; sách; thuốc phẩm chữa qua chàm; thuốc chữa bệnh và trang thiết bị y tế; thuốc phẩm chăn nuôi; mặt sơn sơn phẩm và dịch vụ nông nghiệp; dịch vụ khoa học và công nghệ; mĩ thuật sơn sơn phẩm và dịch vụ nông nghiệp; dịch vụ khoa học và công nghệ; mĩ thuật sơn sơn phẩm, đồ dùng và các phẩm phẩm; mặt sơn sơn phẩm văn hóa, nghệ thuật, thể thao và nhà ở xã hội.

- Thuế suất 10%:

Điều 11 Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định: “Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này”, nghĩa là mức thuế suất 10% áp dụng cho HHDV thông thường không nằm trong diện không chịu thuế GTGT, thuế suất 0% và thuế suất 5%.

1.1.5.5. Phương pháp tính thuế

Có hai phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp. Tuy nhiên, Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Thiên Huế áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ theo đúng quy định tại điều 8 Thông tư 09/2011/BTC nên trong phạm vi khóa luận, tôi chỉ trình bày phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

- Đối tượng áp dụng: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:
 - (1) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ mặt từ đăng trở lên.
 - (2) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.
 - (3) Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay.
- Thời gian áp dụng: Áp dụng liên tục trong vòng 2 năm.